

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN
HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 THEO NĐ238/NĐ-CP

(Kèm theo Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2025 của UBND phường Quan Triều)

ĐVT: đồng

STT	Đơn vị	Định mức hỗ trợ/học sinh/tháng	HK I năm học 2025-2026					
			Số tháng được hỗ trợ	Tổng số đối tượng (học sinh)				Tổng nhu cầu kinh phí HK I năm học 2025-2026
				Tổng số	Đối tượng thuộc Chất độc da cam	Đối tượng mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị tàn tật, khó khăn về kinh tế; Khu vực III	Đối tượng có cha, mẹ thuộc diện hộ nghèo	
A	B	1	2	3		4	5	6
	TỔNG CỘNG A+B							
A	CÔNG LẬP							59.700.000
I	CẤP MẦM NON			9	1	3	5	5.100.000
1	MN CT Giấy Hoàng Văn Thụ	150.000	4	0				-
2	MN Điện Lực	150.000	4	1		1		600.000
3	MN Khánh Hòa	150.000	4	2		1	1	1.200.000
4	MN Quan Triều	150.000	4	3			3	1.800.000
5	MN Quang Vinh	150.000	4	0				-
6	MN xã Sơn Cẩm	150.000	4	1	1			600.000
7	MN Tân Long	150.000	4	2		1	1	900.000
II	Cấp Tiểu học			40		30	10	27.000.000
1	TH Hoàng Văn Thụ	150.000	4	9		7	2	5.400.000
2	TH Quang Vinh	150.000	4	10		6	4	6.000.000
3	TH Sơn Cẩm 1	150.000	4	12		10	2	7.200.000
4	TH Sơn Cẩm 3	150.000	4	5		5		3.000.000
5	TH Tân Long	150.000	4	4		2	2	2.400.000
6	TH&THCS Sơn Cẩm 2	150.000	4	5		5		3.000.000

STT	Đơn vị	Định mức hỗ trợ/học sinh/tháng	HK I năm học 2025-2026					
			Số tháng được hỗ trợ	Tổng số đối tượng (học sinh)				Tổng nhu cầu kinh phí HK I năm học 2025-2026
				Tổng số	Đối tượng thuộc Chất độc da cam	Đối tượng mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị tàn tật, khó khăn về kinh tế; Khu vực III	Đối tượng có cha, mẹ thuộc diện hộ nghèo	
III	Cấp THCS			46		33	13	27.600.000
1	THCS Hoàng Văn Thụ	150.000	4	8		8		4.800.000
2	THCS Tân Long	150.000	4	6		3	3	3.600.000
3	THCS Sơn Cẩm 1	150.000	4	13		10	3	7.800.000
4	TH&THCS Sơn Cẩm 2	150.000	4	4		4		2.400.000
5	THCS Quang Vinh	150.000	4	15		8	7	9.000.000